TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 161/2019/QĐST-HNGĐ	*TA, ngày 23 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 394 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 269/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L , sinh năm 1995

Địa chỉ: Số 44, đường Mai Bá H, khu phố Thọ C, phường 5, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 47, khu phố 5, thị trấn B, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Minh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 22/2017 ngày 21/3/2017. Quá trình chung sống, vợ chồng mâu thuẫn do không hòa hợp. Mặc dù cả hai đã cố gắng để giải quyết bất hòa nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không kết quả. Do đó, bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Minh T đã nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An thụ lý việc dân sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 29, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải nhưng bà L và ông T kiên quyết ly hôn. Do đó, ngày 15 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Tại phiên hòa giải, bà L và ông T đã thống nhất ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Minh T có một con chung tên là Nguyễn Huỳnh Nguyệt Q sinh ngày 01/12/2018. Khi ly hôn, bà L và ông T thỏa thuận bà L là người trực tiếp nuôi con chung và ông T cấp dưỡng

nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, cấp dưỡng lần đầu vào ngày 01/11/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo luật định.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về nghĩa vụ chậm cấp dưỡng :

Trường hợp ông Nguyễn Minh T chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng. Lãi suất phát sinh do chậm cấp dưỡng được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về tài sản chung và nợ chung : Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Tòa án đã lập Biên bản Hòa giải theo quy định tại Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản hòa giải ngày 15 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Minh T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Minh T có một con chung tên là Nguyễn Huỳnh Nguyệt Q, sinh ngày 01/12/2018. Khi ly hôn, bà L và ông T thỏa thuận bà L là người trực tiếp nuôi con chung và ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, cấp dưỡng lần đầu vào ngày 01/11/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo luật định.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về nghĩa vụ chậm cấp dưỡng :

Trường hợp ông Nguyễn Minh T chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng. Lãi suất phát sinh do chậm cấp dưỡng được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ L tự nguyện nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đ tạm ứng lệ phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0002703 ngày 08/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tân An, tỉnh Long An thành lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
-Những người yêu cầu;
-Viện kiểm sát nhân dân TPTA,LA;
- UBND phường 5, Tp TA, LA ;
-Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Kim Hương